TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 346/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23/9/2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Công Tâm
2. Bà Bùi Thị Thúy Bắc

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Mạnh Cường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2024/TLST-HNGĐ 20 tháng 6 năm 2024 về việc*: "Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1991; địa chỉ: số nhà H ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre,
- Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T1, Sinh năm: 1981; địa chỉ: số nhà H ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2024, văn bản trình bày ý kiến ngày 08/7/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

- Về hôn nhân và việc cấp dưỡng giữa vợ chồng**:**

Bà T và ông T1 tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc được 06 năm, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hôn nhân không hạnh phúc. Nay bà T thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: bà T và ông T1 không có con chung.

- Về tài sản chung: bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: bà T trình bày không có.

Ngày 04/9/2024, bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 19/8/2024, biên bản hòa giải ngày 19/8/2024, bị đơn ông Nguyễn Quốc T1 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: ông T1 thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian đăng ký kết hôn, việc kết hôn tự nguyện. Ông T1 không đồng ý ly hôn với bà T, do ông T1 còn tình cảm với bà T, muốn hàn gắn tình cảm, đoàn tụ với bà T. Ông T1 thừa nhận trước đây có tạo áp lực cho bà T về việc không có con chung (vì lý do sức khỏe của bà T) nhưng sau này ông T1 đã hiểu và thông cảm cho bà T, không còn gây áp lực cho bà T nữa.

- Về con chung: bà T và ông T1 không có con chung.

- Về tài sản chung: ông T1 trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: ông T1 trình bày không có.

Ngày 04/9/2024, bà Nguyễn Thị Kim T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, ông T1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T.

Ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà T và ông T1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2018. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà T cho rằng sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Bà T xác định đã không còn tình cảm với ông T1 nên xin được ly hôn với ông T1. Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: "... Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình...". Đối chiếu với quy định trên thì giữa bà T và ông T1 đã có xảy ra mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không còn. Đối với ông T1 không đồng ý ly hôn với bà T, vì cho rằng ông T1 còn tình cảm với bà T, muốn hàn gắn tình cảm, đoàn tụ với bà T nhưng Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần ông T1 không đến. Tại biên bản hòa giải ngày 19/8/2024, ông T1 thừa nhận trước đây có tạo áp lực cho bà T về việc không có con chung (vì lý do sức khỏe của bà T) nhưng sau này ông T1 đã hiểu và thông cảm cho bà T, không còn gây áp lực cho bà

T nữa. Tuy nhiên, ông T1 không đưa ra hướng khắc phục, để hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình với bà T. Trong khi bà T vẫn cương quyết xin ly hôn với ông T1.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp với qui định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[3] Về con chung: bà T và ông T1 trình bày không có con chung.

[4] Về tài sản chung: bà T và ông T1 trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: bà T và ông T1 trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T đối với ông Nguyễn Quốc T1. Bà T được ly hôn với ông T1. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: bà T và ông T1 trình bày không có con chung.

3. Về tài sản chung: bà T và ông T1 trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: bà T và ông T1 trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà T phải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000950 ngày 19/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, Bến Tre. Bà T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Quốc Thanh vắng M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- CCTHADS huyện Chợ Lách;
- UBND xã Hòa Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Nga